

DOI:10.22144/ctu.jvn.2018.131

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIÁNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Đào Ngọc Cảnh*

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Đào Ngọc Cảnh (email: dncanh@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 09/12/2017

Ngày nhận bài sửa: 30/01/2018

Ngày duyệt đăng: 30/10/2018

Title:

Situations and solutions to promote scientific research of lecturers from Can Tho University

Từ khóa:

Đại học Cần Thơ, giảng viên, nghiên cứu khoa học

Keywords:

Can Tho University, lecturers, doing scientific research

ABSTRACT

Doing scientific research is one of the basic tasks of university lecturers. Besides teaching ability, the capacity to do scientific research determines a lecturer's professional competence. However, the capacity of doing scientific research has not been addressed, and only a small number of lecturers have published scientific papers. A survey among 150 lecturers from Can Tho University was analyzed by descriptive statistics using SPSS 20.0 to assess the current state of doing scientific research of the university lecturers. The results have showed that many lecturers have not participated in scientific research activities, specifically, 41.3% of lecturers have not done research yet; 30.7% of lecturers are not members of scientific research; 48% of lecturers do not have scientific papers; 34.7% of lecturers have not yet done the scientific reports (seminars) at the unit; 50% of lecturers have not yet written papers for conferences or scientific seminars, etc. This study also investigated the motivation and difficulties of lecturers in scientific research; it then proposed solutions to promote the scientific research activities of lecturers in order to fulfill the mission of better technology transfer, and serving the society.

TÓM TẮT

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những nhiệm vụ cơ bản của giảng viên đại học và là một trong những thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên. Bài nghiên cứu này sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với 150 giảng viên Trường Đại học Cần Thơ nhằm tìm hiểu thực trạng NCKH của giảng viên. Kết quả khảo sát cho thấy, nhiều giảng viên chưa tham gia NCKH: 41,3% giảng viên chưa chủ trì đề tài nghiên cứu; 30,7% giảng viên chưa là thành viên đề tài NCKH; 48% giảng viên chưa có bài báo khoa học; 34,7% giảng viên chưa thực hiện báo cáo khoa học (seminar) ở đơn vị; 50% giảng viên chưa viết bài tham luận hội nghị/hội thảo khoa học, v.v... Nghiên cứu này cũng tìm hiểu động cơ và khó khăn của giảng viên trong NCKH, từ đó đề xuất các giải pháp để đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên, góp phần thực hiện tốt các chức năng của trường là đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và phục vụ đời sống xã hội.

Trích dẫn: Đào Ngọc Cảnh, 2018. Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(7C): 117-121.

1 GIỚI THIỆU

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) có vai trò rất quan trọng trong trường đại học, vừa là chức năng cơ bản, vừa góp phần tạo nên thương hiệu của trường đại học (Bùi Trung Hưng và *ctv.*, 2016). Đối với giảng viên, NCKH tạo tiền đề cho việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy. Ngược lại, công tác giảng dạy phản ánh kết quả của hoạt động NCKH. Có thể khẳng định rằng, cùng với hoạt động giảng dạy, NCKH là thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên (Trần Mai Ước, 2013).

Hoạt động NCKH được xác định là một trong những nhiệm vụ cơ bản của giảng viên các trường đại học, nhất là trường đại học định hướng nghiên cứu. Theo Nghị định số 73/2015/NĐ-CP của Chính phủ: *“Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu là cơ sở giáo dục đại học có hoạt động đào tạo, NCKH chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học; phát triển các công nghệ nguồn; cung cấp nguồn nhân lực có năng lực giảng dạy và nghiên cứu cơ bản; có năng lực nghiên cứu giải quyết các nhiệm vụ, đề tài khoa học cấp quốc gia và quốc tế”* (Chính phủ, 2015).

Trong những năm gần đây, đội ngũ nhà khoa học trong các trường đại học tăng cả về chất lượng và số lượng, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu được quan tâm đầu tư, hoạt động NCKH của các trường đại học có những chuyển biến tích cực, các sản phẩm khoa học có đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nhiều sản phẩm đã được thương mại hóa trên thị trường trong nước và thế giới.

Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2016-2017, các trường đại học cả nước có tổng số 72.792 giảng viên; trong đó, 16.514 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 43.065 giảng viên có trình độ thạc sĩ. Năm 2016, có 274 nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp đã được nghiệm thu. Các nhiệm vụ này đã thu hút gần 3.000 cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên tham gia; đào tạo được 312 thạc sĩ, hỗ trợ đào tạo 77 tiến sĩ; đã xuất bản 36 đầu sách tham khảo và chuyên khảo, công bố 594 bài báo khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế; 115 sản phẩm ứng dụng là quy trình kỹ thuật, sản phẩm phục vụ sản xuất và đời sống, phát triển ngành và địa phương (Lê Văn, 2017).

Tuy nhiên, kết quả NCKH của các trường đại học Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn, chưa tương xứng với tiềm năng; hoạt động nghiên cứu của các trường vẫn nhỏ lẻ, tản mạn; chưa có đóng góp nổi bật trong nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội. Đáng lưu ý là, nhiều giảng viên vẫn coi trọng nhiệm vụ giảng dạy hơn nhiệm vụ

NCKH. Phan Thị Tú Nga (2011) cho rằng, một bộ phận giảng viên chưa coi trọng hoạt động NCKH, chất lượng đề tài chưa cao, việc xã hội hóa các đề tài còn thấp, khả năng ứng dụng của đề tài NCKH còn hạn chế. Theo Võ Văn Nhị (2013), NCKH là nhiệm vụ trọng tâm của giảng viên, nhưng giảng viên không thực hiện hoặc không đủ năng lực để thực hiện. Chính điều này dẫn đến tính ỷ lại, chây lười, coi thường hoạt động NCKH của một số giảng viên trong trường đại học.

Tại hội nghị “Phát triển khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học giai đoạn 2017-2025” do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức ngày 29/7/2017 tại Hà Nội, Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ chỉ rõ: *Cơ chế, chính sách thu hút đội ngũ giảng viên tham gia NCKH của các cơ sở giáo dục đại học chưa mạnh mẽ và hiệu quả; chính sách hỗ trợ các trường trong việc thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ còn bất cập; các trường, giảng viên chưa thực sự coi trọng NCKH, thiếu đầu tư trọng điểm cho các nhóm nghiên cứu gắn với các ngành đào tạo trọng tâm. Bất cập lớn nhất nằm ở chỗ hoạt động NCKH đáng lẽ ra phải là nhiệm vụ căn bản, trọng tâm thì chỉ vài trường đại học chú trọng đầu tư* (Lê Thu, 2017).

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) là trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Trong những năm qua, Nhà trường đã không ngừng phát triển thành một trung tâm đào tạo và NCKH đa ngành đa lĩnh vực theo hướng đại học nghiên cứu. Hiện nay Trường ĐHCT đang đào tạo 93 chuyên ngành đại học, 34 chuyên ngành cao học, 13 chuyên ngành nghiên cứu sinh và 02 chuyên ngành cao đẳng với 58.135 sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh đang học tập tại trường. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường là 1.161 người; trong đó có 7 giáo sư, 119 phó giáo sư, 211 tiến sĩ, 711 thạc sĩ, 113 kỹ sư/cử nhân (Trường Đại học Cần Thơ, 2016).

Bên cạnh công tác đào tạo, Trường đã chú trọng triển khai các chương trình NCKH, ứng dụng những thành tựu khoa học và kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá và xã hội của vùng. Trong giai đoạn 2012-2016, Trường có 1.269 nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu (trong đó, có 817 đề tài cấp Trường, 440 đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước, 448 đề tài hợp tác với các địa phương), 398 bài báo khoa học được công bố quốc tế ISI. Nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường đạt trên 316 tỷ đồng, cao hơn kinh phí dành cho hoạt động này (Trường Đại học Cần Thơ, 2016).

Bảng 1: Số lượng và kinh phí đề tài NCKH các cấp thời kỳ 2012-2016

	2012	2013	2014	2015	2016
Số lượng (đề tài)	208	235	262	232	248
Kinh phí (triệu đồng)	37.565	26.573	59.066	29.831	37.310

Nguồn: Trường Đại học Cần Thơ, 2016

Từ những kết quả NCKH, Trường đã tạo ra nhiều sản phẩm, quy trình công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu, tạo được uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Các hoạt động NCKH của Trường góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân vùng ĐBSCL trong thời kỳ hội nhập quốc tế và thích ứng với biến đổi khí hậu toàn cầu.

Mặc dù Trường ĐHTC đã đạt được những kết quả đáng kể về NCKH, tuy nhiên hoạt động này cũng còn những hạn chế nhất định so với yêu cầu đề ra. Bên cạnh một số giảng viên có nhiều thành tích trong NCKH, vẫn còn nhiều giảng viên chưa tham gia hoạt động này. Vì vậy, có tình trạng không đồng đều trong hoạt động NCKH của giảng viên giữa các khoa, trong từng khoa và từng bộ môn.

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu thực trạng hoạt động NCKH của giảng viên tại Trường ĐHTC, từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên, góp phần thực hiện chức năng của trường đại học, đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức hiện nay.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp

Các dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các công trình nghiên cứu, các báo cáo thường niên, báo cáo tự đánh giá, số liệu thống kê của của Trường và các nguồn thông tin tư liệu khác. Các dữ liệu này được hệ thống hóa, phân tích, tổng hợp nhằm phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

2.2 Phương pháp điều tra và xử lý dữ liệu sơ cấp

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi được sử dụng để thu thập dữ liệu sơ cấp liên quan đến hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHTC. Tổng số mẫu khảo sát là 150 giảng viên thuộc 13 khoa của Trường theo cách lấy mẫu phân tầng dựa trên số lượng giảng viên từng khoa. Thang đo được sử dụng trong các câu hỏi là thang Likert 5 mức độ (từ 1- 5 mức). Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 dưới dạng thống kê mô tả.

Các đối tượng khảo sát có đặc điểm như sau: Về giới tính, nam chiếm 50,7%; nữ chiếm 49,3%. Về độ tuổi, các giảng viên được khảo sát có độ tuổi

từ 25-35 tuổi chiếm 44%; từ 36-45 tuổi chiếm 43,3%; từ 46-59 tuổi chiếm 12,7%.

Về dân tộc, hầu hết các đối tượng là người Kinh (98,7%), chỉ có 2 trường hợp là người Hoa (1,3%). Về tôn giáo, đa số trường hợp không theo tôn giáo nào (99,3%), chỉ có 1 trường hợp theo Đạo Thiên Chúa (0,7%).

Về lĩnh vực chuyên môn, các giảng viên thuộc 4 lĩnh vực: Khoa học tự nhiên 19,6%; Khoa học kỹ thuật và công nghệ 25,9%; Khoa học nông nghiệp 21%; Khoa học xã hội và nhân văn 33,6%.

Về trình độ chuyên môn, hầu hết giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (99,3%); cụ thể như sau: đại học 0,7%; thạc sĩ 50,7%; đang học thạc sĩ 6,1%; tiến sĩ 27,7%; đang học tiến sĩ 14,9%.

Về chức danh: giảng viên 85,2%; giảng viên chính 9,4%; phó giáo sư 5,4%. Về chức vụ: giảng viên không có chức vụ 60,7%; tổ trưởng/tổ phó chuyên ngành 5%; trưởng/phó bộ môn 25,7%; trưởng/phó khoa 1,4%; chức vụ khác (công tác Đảng, đoàn thể): 7,1%.

Về thời gian công tác tại Trường ĐHTC: từ 2-5 năm 20,5%; từ 6-10 năm 52,6%; từ 11-30 năm 23,1%; trên 30 năm 3,8%.

Về tình trạng hôn nhân: 32 trường hợp sống độc thân (20,3%); 117 trường hợp kết hôn (79,1%); có 1 trường hợp ly hôn (0,7%). Về số con của các giảng viên: 51 giảng viên chưa có con (34%); 41 giảng viên có 1 con (27,3%); 56 giảng viên có 2 con (37,3%); 2 giảng viên có 3 con (1,4%).

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Quan niệm của giảng viên về NCKH

3.1.1 Quan niệm của giảng viên về hoạt động NCKH

NCKH là hoạt động tìm kiếm, xem xét, điều tra, thử nghiệm dựa trên những số liệu, tài liệu, kiến thức thông qua thí nghiệm, thực nghiệm hoặc khảo sát từ thực tế để phát hiện ra những cái mới về bản chất sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan, hoặc để sáng tạo phương pháp, phương tiện kỹ thuật mới cao hơn, giá trị hơn, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nội hàm của khái niệm NCKH rất rộng, bao gồm quá trình hoạt động NCKH, kết quả NCKH, ứng dụng kết quả nghiên cứu và phổ biến kiến thức khoa học. Theo Ding *et al.* (2006), hoạt động

NCKH được thể hiện dưới các hình thức sau: (i) thực hiện NCKH, (ii) xuất bản công trình nghiên cứu, (iii) bằng sáng chế khoa học, (iv) giải thưởng NCKH.

Đối với giảng viên đại học, hoạt động NCKH luôn gắn liền với hoạt động giảng dạy và góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy. Vì vậy, quan niệm về NCKH ở đại học có thể theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp, hoạt động NCKH chỉ nhằm sáng tạo ra tri thức khoa học mới; theo nghĩa rộng, hoạt động NCKH bao gồm

cả việc truyền bá tri thức khoa học và hướng dẫn người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) thực hiện công trình NCKH.

Kết quả khảo sát quan niệm của giảng viên về NCKH cho thấy, những hoạt động NCKH được đánh giá cao là: *Viết bài đăng tạp chí khoa học* (4,39); *Thực hiện báo cáo khoa học* (4,30); *Thực hiện đề tài NCKH các cấp* (4,29); *Viết bài tham luận hội nghị/hội thảo khoa học* (4,13); *Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài NCKH* (4,08).

Bảng 2: Quan niệm của giảng viên về hoạt động NCKH

TT	Tiêu chí	Trung bình
1.	Viết bài đăng tạp chí khoa học	4,39
2.	Thực hiện báo cáo khoa học (Seminar)	4,30
3.	Thực hiện đề tài các cấp (từ cấp Trường trở lên)	4,29
4.	Viết bài tham luận hội nghị/hội thảo khoa học	4,13
5.	Hướng dẫn sinh viên thực hiện đề tài nghiên cứu	4,08
6.	Tham dự hội nghị/hội thảo khoa học	3,93
7.	Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo...	3,92
8.	Tự nghiên cứu nội dung chuyên môn phục vụ bài giảng	3,91
9.	Hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận/luận văn đại học	3,86
10.	Tự nghiên cứu một vấn đề lý thuyết hoặc thực tiễn	3,84
11.	Viết bài phổ biến kiến thức khoa học	3,78
12.	Hướng dẫn học viên cao học thực hiện luận văn thạc sĩ	3,74
13.	Nghe báo cáo chuyên đề về lĩnh vực chuyên môn	3,72
14.	Hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ	3,70
15.	Tham gia khóa tập huấn về NCKH	3,64

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Các hoạt động NCKH được giảng viên đánh giá thấp hơn là: Tham dự hội nghị/hội thảo khoa học; Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo; Tự nghiên cứu nội dung chuyên môn phục vụ bài giảng; Hướng dẫn sinh viên thực hiện khóa luận/luận văn đại học; Tự nghiên cứu một vấn đề lý thuyết hoặc thực tiễn; Viết bài phổ biến kiến thức khoa học; Hướng dẫn học viên cao học thực hiện luận văn thạc sĩ; Nghe báo cáo chuyên đề về lĩnh vực chuyên môn; Hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ; Tham gia khóa tập huấn về NCKH.

3.1.2 Quan niệm của giảng viên về ý nghĩa của NCKH

Trong 10 tiêu chí về ý nghĩa của NCKH, giảng viên đánh giá cao các tiêu chí: Nhằm hiểu sâu hơn các lý thuyết chuyên môn (4,43); Nhằm phát hiện tri thức mới (4,36); Nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn (3,33); Góp phần nâng cao chất lượng bài giảng (4,29); Tạo nên uy tín cho người giảng viên (4,27); Thể hiện năng lực chuyên môn của người giảng viên (4,26); Thỏa mãn niềm đam mê (4,13); Là nghĩa vụ và trách nhiệm của giảng viên (4,07).

Bảng 3: Quan niệm của giảng viên về ý nghĩa của NCKH

TT	Tiêu chí	Trung bình
1.	Nhằm hiểu sâu hơn các lý thuyết chuyên môn	4,43
2.	Nhằm phát hiện tri thức mới	4,36
3.	Nhằm giải quyết vấn đề thực tiễn	4,33
4.	Góp phần nâng cao chất lượng bài giảng	4,29
5.	Tạo nên uy tín cho người giảng viên	4,27
6.	Thể hiện năng lực chuyên môn của người giảng viên	4,26
7.	Thỏa mãn niềm đam mê	4,13
8.	Là nghĩa vụ và trách nhiệm của giảng viên	4,07
9.	Là điều kiện để thăng tiến trong sự nghiệp	3,69
10.	Góp phần tạo thu nhập cho giảng viên	3,61

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Hai tiêu chí được giảng viên đánh giá thấp hơn gồm có: Là điều kiện để thăng tiến trong sự nghiệp (3,69); Góp phần tạo thu nhập cho giảng viên (3,61). Thực tế, nhiều giảng viên vẫn quan niệm rằng nguồn thu nhập chính của họ đến từ giảng dạy, còn NCKH chỉ là vì trách nhiệm hoặc là niềm đam mê. Chính vì quan niệm như vậy nên nhiều giảng viên chưa thực sự quan tâm đến NCKH.

3.1.3 Động cơ NCKH của giảng viên

Kết quả khảo sát động cơ NCKH của giảng viên bằng câu hỏi có nhiều lựa chọn cho thấy có sự phân hóa đáng kể giữa các động cơ được đưa ra. Đa số giảng viên cho rằng: động cơ NCKH để nâng cao năng lực chuyên môn 40,3%; tiếp theo là các động cơ: vì nhiệm vụ 26,5%; vì đam mê 25,7%. Riêng động cơ để xét thi đua, xét chức danh chiếm tỷ lệ khá thấp, chỉ đạt 7,5%.

Bảng 4: Động cơ NCKH của giảng viên

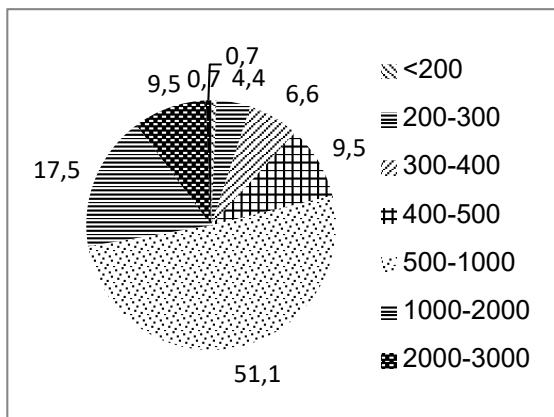
Động cơ	Tần suất	Tỷ lệ %
Vì nhiệm vụ	67	26,5
Vì đam mê	65	25,7
Để nâng cao năng lực	102	40,3
Để xét thi đua, xét chức danh	19	7,5
Tổng cộng	253	100,0

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

3.2 Kết quả hoạt động NCKH của giảng viên

3.2.1 Khối lượng giờ chuẩn và giờ NCKH của giảng viên

Theo kết quả khảo sát về khối lượng giờ chuẩn của giảng viên năm 2016, thì tổng số giờ quy chuẩn (G) của giảng viên đạt từ 180 – 3.500 giờ/năm, trung bình là 1.208 giờ/giảng viên.

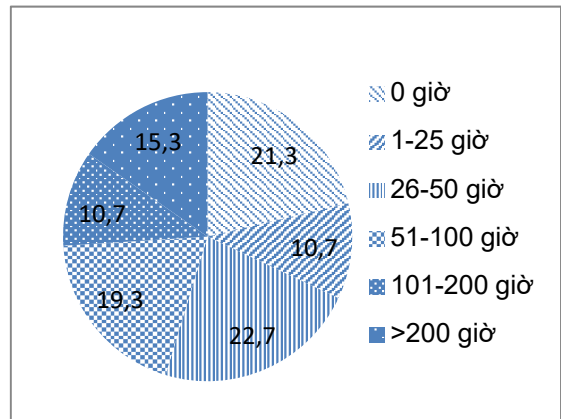


Hình 1: Tổng số giờ (G) của giảng viên

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Nhìn chung, tổng số giờ giảng viên là khá cao, đa số giảng viên có tổng số giờ quy chuẩn từ 500 giờ/năm trở lên. Nếu lấy giờ mức chuẩn trung bình mỗi giảng viên phải đạt là 500 giờ/năm thì có trên 78,9% giảng viên vượt giờ chuẩn. Đặc biệt, có 10,4% giảng viên đạt từ 2.000 giờ/năm trở lên. Thậm chí có giảng viên đạt trên 3.000 giờ/năm.

Tuy nhiên, nếu như tổng số giờ của giảng viên là khá cao, thì số giờ NCKH của giảng viên lại thấp và không đồng đều giữa các giảng viên. Theo kết quả khảo sát, trung bình mỗi giảng viên đạt 126,5 giờ NCKH trong năm, nhưng 21,3% giảng viên không có giờ NCKH; 33,4% giảng viên chỉ đạt số giờ NCKH từ 1-50 giờ.



Hình 2: Số giờ NCKH của giảng viên

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Như vậy, số giờ NCKH của giảng viên chỉ chiếm khoảng 10-15% tổng số giờ trong năm. Nếu so với quy định tại Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014): “Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ NCKH” thì hầu hết giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu này. Nếu chiếu theo Nghị định số 73/2015/NĐ-CP (Chính phủ, 2015): “Đối với cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, giảng viên cơ hữu phải dành ít nhất 50% tổng thời gian làm việc định mức cho hoạt động NCKH” thì mức đáp ứng yêu cầu còn thấp hơn.

3.2.2 Các hoạt động NCKH cụ thể của giảng viên

Các hoạt động NCKH của giảng viên được khảo sát trong nghiên cứu này bao gồm: thực hiện đề tài NCKH; công bố bài báo khoa học; viết bài tham dự hội nghị/hội thảo khoa học; thực hiện báo cáo khoa học ở đơn vị (seminar).

Về đề tài NCKH, 56,7% giảng viên đã chủ trì đề tài NCKH; trong đó: 32,7% giảng viên có 1-2 đề tài, 18% giảng viên có 3-5 đề tài, 7,3% giảng

viên có 6-10 đề tài. Tuy nhiên, có tới 41,3% giảng viên chưa có đề tài NCKH. Nếu tính riêng trong 3 năm gần đây (2015-2017), có tới 50% giảng viên không có đề tài NCKH. Trong số 50% giảng viên có đề tài NCKH, thì 24% giảng viên có 1 đề tài, 26% giảng viên có từ 2-5 đề tài.

Bảng 5: Số đề tài NCKH của giảng viên trong 3 năm gần đây (2015-2017)

Số đề tài	Tần suất	Tỷ lệ %
0 đề tài	75	50,0
1 đề tài	36	24,0
2 đề tài	20	13,3
3 đề tài	11	7,3
4 đề tài	6	4,0
5 đề tài	2	1,4
Tổng cộng	150	100,0

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Bảng 6: Số bài báo khoa học của giảng viên

Số bài báo	Tần suất	Tỷ lệ %
0 bài	72	48,0
1 bài	8	5,3
2-5 bài	25	16,7
6-10 bài	17	11,3
11-20 bài	11	7,3
21-50 bài	14	9,3
Trên 50 bài	3	2,0
Tổng	150	100,0

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Về bài báo khoa học, 52% giảng viên đã công bố bài báo khoa học. Trong đó có 16,7% giảng viên công bố từ 2-5 bài, 18,6% giảng viên công bố trên 10 bài. Đặc biệt, có giảng viên công bố trên 50 bài báo trong nước và trên 10 bài báo quốc tế. Ngược lại, có 48% giảng viên chưa từng công bố

Bảng 7: Ý kiến của giảng viên về tình hình NCKH của đơn vị mình

TT	Tiêu chí	Trung bình
1.	Hoạt động NCKH chỉ tập trung vào một số giảng viên	3,98
2.	Giảng viên có trình độ càng cao tham gia NCKH càng nhiều	3,95
3.	Hoạt động NCKH còn có sự chênh lệch lớn giữa các bộ môn	3,79
4.	Nhiều giảng viên cho rằng: Nhiệm vụ chính của mình là giảng dạy	3,37
5.	Đối với nhiều giảng viên, NCKH là công việc khó khăn	3,33
6.	Có giảng viên chưa từng tham gia hoạt động NCKH	3,32

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Xét ý kiến giảng viên đối với tình trạng: *Hoạt động NCKH chỉ tập trung vào một số giảng viên*, thì được đa số giảng viên đồng tình. Cụ thể là, 47,3% đồng ý; 28,7% rất đồng ý; tính chung cả đồng ý và rất đồng ý thì tỷ lệ lên đến 76%.

3.3 Khó khăn trong NCKH của giảng viên

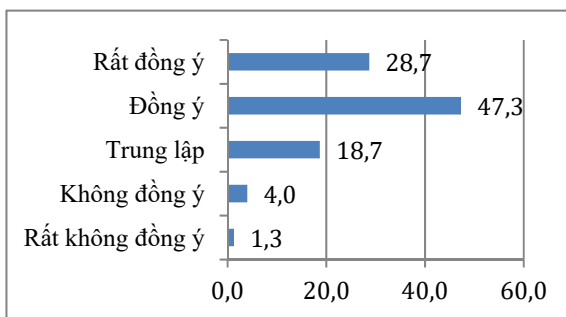
Trong số 16 khó khăn đối với giảng viên trong

bài báo khoa học; 32,6% giảng viên chưa công bố bài báo trong nước; 62% giảng viên chưa công bố bài báo quốc tế.

Ngoài ra, có 50% giảng viên chưa viết báo cáo tham luận hội nghị/hội thảo khoa học; 52% giảng viên chưa tham gia biên soạn giáo trình; 34,7% giảng viên chưa thực hiện báo cáo khoa học ở đơn vị (seminar).

3.2.3 Đánh giá của giảng viên về tình hình NCKH của đơn vị

Ý kiến đánh giá của giảng viên về NCKH tại đơn vị mình cho thấy: Hoạt động NCKH chỉ tập trung vào một số giảng viên (3,98); Giảng viên có trình độ càng cao tham gia NCKH càng nhiều (3,95); Hoạt động NCKH còn có sự chênh lệch lớn giữa các bộ môn (3,79); Nhiều giảng viên cho rằng: Nhiệm vụ chính của mình là giảng dạy (3,37); Đối với nhiều giảng viên, NCKH là công việc khó khăn (3,33); Có giảng viên chưa từng tham gia hoạt động NCKH (3,32).



Hình 3: Ý kiến cho rằng: Hoạt động NCKH chỉ tập trung vào một số giảng viên

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

NCKH được nêu ra, thì các khó khăn được giảng viên đồng ý ở mức cao hơn là: Nguồn kinh phí không đủ để thực hiện đề tài NCKH (3,85); Thủ tục đăng ký đề tài quá phức tạp (3,78); Thủ tục thanh toán kinh phí NCKH có nhiều khó khăn, rắc rối (3,78).

Bảng 8: Ý kiến của giảng viên về khó khăn trong NCKH

TT	Tiêu chí	Trung bình
1.	Nguồn kinh phí không đủ để thực hiện đề tài NCKH	3,85
2.	Thủ tục đăng ký đề tài quá phức tạp	3,78
3.	Thủ tục thanh toán kinh phí NCKH có nhiều khó khăn, rắc rối	3,78
4.	Bận quá nhiều cho công việc giảng dạy	3,69
5.	Việc phối hợp NCKH trong và ngoài đơn vị còn hạn chế	3,63
6.	Việc đăng bài trên tạp chí khoa học có nhiều khó khăn	3,63
7.	Việc tính giờ cho hoạt động NCKH quá thấp so với giảng dạy	3,60
8.	Phương tiện, thiết bị thí nghiệm phục vụ NCKH còn hạn chế	3,57
9.	Bận quá nhiều cho công tác quản lý	3,47
10.	Thời gian để thực hiện một đề tài NCKH quá ngắn	3,47
11.	Việc xét duyệt đề tài NCKH thiếu khách quan, công bằng	3,41
12.	Việc tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu còn hạn chế	3,36
13.	Quá bận rộn vì công việc gia đình	3,31
14.	Khả năng ngoại ngữ còn hạn chế	3,03
15.	Do sức khỏe không bảo đảm	2,97
16.	Xét về mặt chuyên môn, NCKH là công việc quá khó khăn	2,84

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

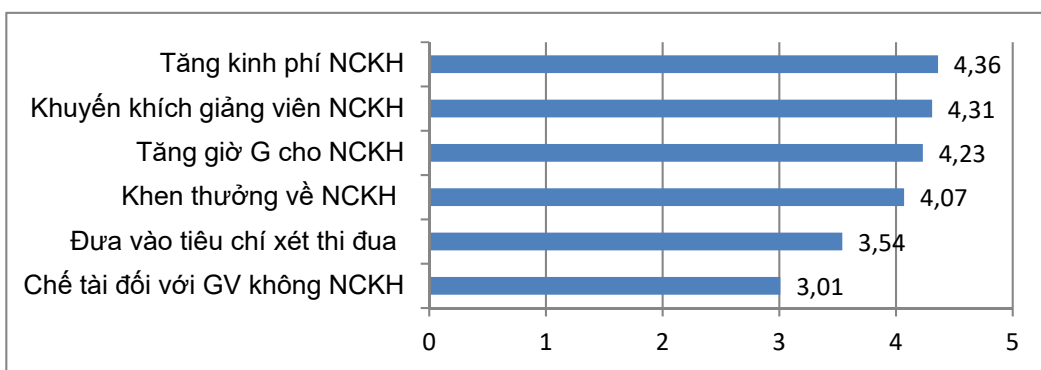
Các khó khăn được giảng viên đánh giá ở mức thấp hơn là: *Do sức khoẻ không bảo đảm (2,97); Xét về mặt chuyên môn thì NCKH là công việc quá khó khăn (2,84)*. Như vậy, nhìn chung giảng viên cảm thấy có đủ điều kiện về kiến thức, kỹ năng chuyên môn và sức khỏe để tham gia hoạt động NCKH.

3.4 Các giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên

Để đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên, có 6 giải pháp được đưa ra lấy ý kiến và đều được

các giảng viên đồng ý ở mức khá cao (trung bình > 3,0). Trong đó, có các giải pháp được đồng ý ở mức cao (trung bình > 4,0) là: *Tăng kinh phí cho hoạt động NCKH (4,36); Có chính sách khuyến khích giảng viên NCKH (4,31); Tăng giờ G cho hoạt động NCKH (4,23); Tăng cường khen thưởng về thành tích NCKH (4,07)*.

Hai giải pháp cuối cùng được đồng ý ở mức thấp hơn là: *Đưa hoạt động NCKH vào tiêu chí xét thi đua cuối năm (3,54); Có chế tài đối với giảng viên không tham gia NCKH (3,01)*.



Hình 4: Giải pháp đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên

Nguồn: Dữ liệu khảo sát năm 2017 (N= 150)

Mặc dù, Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014) có quy định: “Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH theo quy định, thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem

xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan”. Nhưng trên thực tế, hầu hết các trường đại học chưa áp dụng triệt để các biện pháp này do nhiều nguyên nhân khác nhau. Cũng vì vậy, nhiều giảng viên vẫn có quan niệm: “Không

NCKH cũng không sao”. Kết quả là, nhiều người trong số giảng viên không tham gia hoạt động NCKH.

Như vậy, hai giải pháp cần được áp dụng triệt để là: *đưa hoạt động NCKH vào tiêu chí xét thi đua cuối năm* và *Có chế tài đối với giảng viên không tham gia NCKH* nhằm thúc đẩy số giảng viên chưa NCKH tham gia NCKH.

Ngoài ra, nhà trường cũng cần tăng cường các giải pháp khuyến khích giảng viên NCKH và tạo môi trường học thuật, tăng cường hợp tác NCKH trong và ngoài trường thông qua việc chia sẻ thông tin, thành lập các nhóm nghiên cứu, v.v...

4 KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát hoạt động NCKH của giảng viên Trường ĐHTC đã cho thấy tình trạng không đồng đều trong NCKH của giảng viên. Bên cạnh một số giảng viên say mê, tích cực và đạt được nhiều kết quả trong NCKH, vẫn còn có những giảng viên chỉ tập trung vào giảng dạy mà chưa coi trọng hoạt động NCKH. Cụ thể, 21,3% giảng viên không có giờ NCKH; khối lượng giờ NCKH của giảng viên trung bình chỉ chiếm 10-15% tổng khối lượng giờ quy chuẩn trong năm. Trên thực tế vẫn còn một tỷ lệ đáng kể giảng viên chưa tham gia các hoạt động NCKH: 41,3% giảng viên chưa có đề tài NCKH, 48% giảng viên chưa có bài báo khoa học, 50% giảng viên chưa có báo cáo tham luận hội nghị/hội thảo khoa học, v.v... Nhiều giảng viên vẫn quan niệm: *nhiệm vụ chính của mình là giảng dạy, không NCKH cũng không sao*.

Vì vậy, để đẩy mạnh hoạt động NCKH của giảng viên, Nhà trường cần thực hiện các giải pháp như: ban hành các chính sách khuyến khích giảng viên NCKH; có chế tài đối với các giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ NCKH; đồng thời, cần tăng kinh phí cho hoạt động NCKH và xây dựng định mức cho hoạt động NCKH một cách thỏa đáng hơn; tăng cường hợp tác trong NCKH giữa các giảng viên và tổ chức NCKH trong và ngoài trường. Bên cạnh đó, Nhà trường cần quan tâm, tạo điều kiện cho các đơn vị còn có khó khăn, hạn chế về NCKH nhằm tạo ra sự đồng đều và hiệu quả hơn trong NCKH, đưa hoạt động NCKH song hành với hoạt động đào tạo để thực hiện tốt các chức năng của trường đại học trong xu thế phát triển nền kinh tế tri thức trên toàn cầu hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014. *Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 quy định chế độ làm việc đối với giảng viên*. Ngày truy cập 18/11/2017. Địa chỉ: <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chi>

nhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=179054

Bùi Trung Hưng, Võ Văn Thắng, Nguyễn Duy Anh Tuấn, và Trần Hồng Nhung, 2016. Năng lực tổ chức và triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học địa phương thuộc vùng Nam Bộ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học An Giang*, 9(1): 19-25.

Chính phủ, 2015. Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ngày 08/9/2015 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn phân tầng; khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học. Ngày truy cập 18/11/2017. Địa chỉ: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Nghi-dinh-73-2015-ND-CP-tieu-chuan-phan-tang-khung-xep-hang-tieu-chuan-xep-hang-co-so-giao-duc-dai-hoc-289316.aspx>.

Ding, W.W., Muray, F., and Stuartt, T.E., 2006. Gender differences in patenting in the academic life sciences. *Science*, 313(5787): 665-667.

Lê Văn, 2017. Những con số "biết nói" về giáo dục đại học Việt Nam. Ngày truy cập 20/10/2017. Địa chỉ: <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/tuyen-sinh/nhung-con-so-biet-noi-ve-giao-duc-dai-hoc-viet-nam-389870.html>.

Lê Thu, 2017. Giáo dục đại học: Sẽ phải chuyển hướng sang đẩy mạnh nghiên cứu khoa học. Ngày truy cập 20/10/2017. Địa chỉ: <https://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/giao-duc-dai-hoc-se-phai-chuyen-huong-sang-day-manh-nghien-cuu-khoa-hoc-20170729221823097.htm>.

Phan Thị Tú Nga, 2011. Thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Đại học Huế, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 68, 67-78.

Trần Mai Ước, 2013. Nghiên cứu khoa học của giảng viên - yếu tố khoa học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học hiện nay. Ngày truy cập 20/10/2016. Địa chỉ <https://ajc.hcma.vn/Pages/PageNotFound.aspx?requestUrl=https://ajc.hcma.vn/Nghien-cuu-khoa-hoc/Nghien-cuu-khoa-hoc-cua-giang-vien-yeu-to-khoa-hoc-gop-phan-nang-cao-chat-luong-dao-tao-tai-cac-truong-Dai-hoc-hien-nay/13669.ajc>.

Trường Đại học Cần Thơ, 2015. *Quyết định 4412/QĐ-ĐHTC ngày 25/11/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHTC quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường ĐHTC*.

Trường Đại học Cần Thơ, 2016. *Báo cáo thường niên năm 2016*. Nxb Đại học Cần Thơ, 22-24.

Võ Văn Nhị, 2013. *Một số ý kiến về tình hình nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở nước ta*. Ngày truy cập 20/10/2017 tại địa chỉ: http://hoinghikhoahoc.duytan.edu.vn/Upload/File/s/34c57243-1b65-4a79-a5c6-658fee49841f1.mot_so_y_kien_ve_tinh_hinh_nghien_cuu_khoa_hoc_trong_cac_truong_dai_hoc_o_nuoc_ta.pdf.